

Số: 88/TB-THPTNCTr

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO CÔNG KHAI
ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THEO THÔNG TƯ 36/2017/BGDĐT

Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Nguyễn Công Trứ
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		LỚP 10	LỚP 11	LỚP 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh trúng tuyển lớp 10 theo điểm NV1: 21.25 điểm, NV2 21.5 điểm, NV3 22 điểm.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình GDPT 2018 theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo và chương trình nhà trường.		Thực hiện chương trình GDPT 2006 theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo và chương trình nhà trường.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo quy định của Bộ GD & ĐT; đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh	- Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt. - Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo		

	hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bệnh tật. - Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh khối 12; triển khai nội dung thực tế theo chương trình bộ môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh khối 10, 11. - Tổ chức hoạt động Đoàn TNCS Hồ Chí Minh sinh động, phù hợp và bổ ích cho HS rèn luyện. - Có Kế hoạch cá nhân cho từng HS hòa nhập 3 khối phù hợp.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Không có học sinh vi phạm pháp luật. - Hạnh kiểm/ rèn luyện của HS khá tốt đạt 90% trở lên. - Học sinh lên lớp thẳng 99,9% - Học sinh tốt nghiệp THPT 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp thu học tập ở cấp học cao hơn. Tiếp tục trong danh sách 20 trường THPT của TP Hồ Chí Minh được Đại học Quốc gia TPHCM ưu tiên xét tuyển. - 95% học sinh tham gia học tiếp sau tốt nghiệp THPT.

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Nguyễn Công Trứ năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện	2538	854	851	833
1	Tốt		854	843	831
2	Khá		0	08	02
3	Trung bình/ Đạt		0	0	0
4	Yếu/ Không đạt		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập	2538	854	851	833
1	Giỏi/ Xuất sắc	1528	468	527	533
2	Khá/ Giỏi	936	362	287	287
3	Trung bình/ Đạt	73	24	36	13
4	Yếu/ Không đạt	0	0	01	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh Giỏi/ Xuất sắc	60,2%	54,8%	62%	64%
b	Học sinh tiên tiến/ Giỏi	37,1%	42,4 %	34%	34,4%
2	Thi lại	0,03%	0%	0,1 %	0%
3	Lưu ban	00	00	00	00
4	Chuyển trường đến/đi	20/14			
5	Bị đuổi học	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	54	0	03	51
1	Cấp quận	02	0	01	01

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
2	Cấp tỉnh/thành phố	51	0	01	50
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	01	0	01	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	832	-	-	832
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	832	-	-	832
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	831	-	-	831
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1154/1384	416/438	353/498	385/448
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	37	07	20	10

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THPT Nguyễn Công Trứ
năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	37	2,44m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	37	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	11	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	20	-
7	Bình quân lớp/phòng học	-	1,54
8	Bình quân học sinh/lớp	25,5	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6.148,3 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2750 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2072 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	616 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	112 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	112 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		
1.2	Khối lớp 11		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.3	Khối lớp 12		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	200	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	20	0.32/lớp
1	Ti vi	08	0.14/lớp
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	0.21/lớp
5	Thiết bị khác: standee điện tử	01	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	08	0.14/lớp
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	0.21/lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)		
X	Nhà bếp	112 m ²		
XI	Nhà ăn	112 m ²		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	25 phòng, 1400m ²	700	2/m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2 – 56m ²	12 - 336m ²	6/6	0.13	0.15/0.11
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

NH
 CÔNG
 TRÚ
 HƯNG

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Trường THPT Nguyễn Công Trứ năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	19	0	10	9	0	0	0	19	0	0	19	0	0	0
2	Lý	14	0	7	7	0	0	0	11	3	0	14	0	0	0
3	Hóa	10	0	7	3	0	0	0	9	1	0	10	0	0	0
4	Sinh	09	0	4	5	0	0	0	9	0	0	09	0	0	0
5	Văn	17	0	11	6	0	0	0	16	1	0	17	0	0	0
6	Sử	06	0	3	3	0	0	0	6	0	0	06	0	0	0
7	Địa	05	0	0	5	0	0	0	5	0	0	05	0	0	0
8	Tiếng Anh	15	0	6	9	0	0	0	13	2	0	15	0	0	0
9	GDCD/ GDKT&PL HĐTN, HN	05	0	2	3	0	0	0	4	1	0	05	0	0	0
10	Âm nhạc	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
11	Thể dục	07	0	3	7	0	0	0	7	0	0	7	0	0	0
12	Tin	06	0	0	6	0	0	0	6	0	0	06	0	0	0
13	GD QP&AN	04	0	2	2	0	0	0	3	1	0	04	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	3			3				3						
1	Hiệu trưởng	01	-	1	-	-	-	-	1	-	-	01	-	-	-
2	Phó hiệu trưởng	02	-	1	1	-	-	-	1	1	-	02	-	-	-

[illegible]

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG



Phan Hồ Hải